

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2016

KẾT QUẢ THI LẠI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG
Kỳ thi tháng 7/2016

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	MÔN THI LẠI		GHI CHÚ
						Kiểm thức Giáo dục chuyên nghiệp	Đường lối CM của ĐCSVN	
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ								
1	Trần Nhật	Trường	15/01/1994	Bình Thuận	12CĐ-CK1	8.0		
2	Nguyễn Thái	Nguyên	05/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	12CĐ-CK3	9.0		
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ÔTÔ								
1	Nguyễn Tiến	Thành	09/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	12CĐ-Ô		8.0	
2	Nguyễn Lê	Quyền	06/7/1993	Tp. Hồ Chí Minh	11CĐ-Ô2	5.0		
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - MẠNG MÁY TÍNH								
1	Nguyễn Thành	Nhân	06/02/1994	Tiền Giang	12CĐ-TM	6.0		
2	Đặng Duy	Nhật	06/6/1994	Hà Nam	12CĐ-TM	6.0		
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM								
1	Nguyễn	Bính	10/9/1991	Tp. Hồ Chí Minh	10CĐ-TP1	V		
2	Trần Quang	Khâm	25/01/1992	Đồng Nai	11CĐ-TP1	6.0	8.0	
3	Nguyễn Phi	Long	09/11/1990	Tiền Giang	11CĐ-TP3	6.0		

Tổng cộng danh sách có 09 sinh viên

GHI CHÚ:
HSSV ĐẾN PHÒNG KHẢO THÍ NHẬN
ĐƠN PHỤC KHẢO.
HẠN CHÓT: THỨ SÁU 19/8/2016

KI, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2016

**KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
KHOÁ 2014 VÀ KHOÁ CŨ THI LẠI**

TT	MSHS	Họ tên học sinh		Lớp	Ngày sinh	ĐIỂM THI		
						CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
KHÓA 2014								
1	14000002	Nguyễn Quân	Đạt	14TCĐT01	11/07/1996	7.5 ✓	7.5 ✓	6.0 ✓
2	14000005	Hoàng Đức	Lưu	14TCĐT01	12/04/1996	5.0 ✓	7.0 ✓	6.0 ✓
3	14000006	Nguyễn Nhật	Nam	14TCĐT01	02/07/1996	6.0 ✓	8.0 ✓	6.0
4	14000007	Lê Như	Thế	14TCĐT01	26/08/1994	6.5 ✓	8.0 ✓	8.0
5	14000008	Nguyễn Ngọc Minh	Trí	14TCĐT01	03/11/1996	6.0 ✓	8.5 ✓	8.0
6	14000010	Nguyễn Đức	Viên	14TCĐT01	22/02/1994	7.0 ✓	7.5 ✓	6.0
7	14000014	Đinh Hiền	Vương	14TCĐT01	11/04/1995	7.0 ✓	7.0 ✓	8.0 ✓
8	14000015	Nguyễn Đức	Anh	14TCĐC01	05/11/1996	6.0 ✓	5.0 ✓	6.5
9	14000016	Đinh Văn	Bá	14TCĐC01	13/09/1994	7.0 ✓	4.5 ✓	6.0 ✓
10	14000018	Thái Thanh	Bình	14TCĐC01	11/05/1993	8.0 ✓	6.0 ✓	7.5 ✓
11	14000020	Trần Thanh	Cường	14TCĐC01	10/12/1992	6.5 ✓	2.0	5.5
12	14000023	Dương Nhật	Duy	14TCĐC01	18/06/1996	7.0 ✓	6.5 ✓	8.0 ✓
13	14000025	Nguyễn Hoàng	Duy	14TCĐC01	08/08/1996	6.5 ✓	5.0 ✓	8.0
14	14000029	Trần Thanh	Hải	14TCĐC01	29/04/1995	5.5 ✓	7.0 ✓	7.0
15	14000030	Võ Thanh	Hải	14TCĐC01	16/07/1996	6.5 ✓	6.0 ✓	7.0
16	14000031	Bùi Văn	Hiếu	14TCĐC01	13/10/1992	6.0 ✓	5.5 ✓	7.0
17	14000041	Lê Văn	Lễ	14TCĐC01	18/08/1992	7.0	6.0 ✓	6.0 ✓
18	14000042	Đào Quốc	Lịch	14TCĐC01	02/01/1985	6.0 ✓	7.5 ✓	6.5
19	14000043	Nguyễn Hoàng	Long	14TCĐC01	20/04/1993	8.5	8.0	7.0
20	14000044	Đinh Nguyễn Tấn	Luân	14TCĐC01	08/08/1993	5.5 ✓	7.5 ✓	5.0
21	14000045	Đoàn Thanh	Minh	14TCĐC01	06/12/1996	7.5 ✓	4.5 ✓	6.5
22	14000048	Đặng Trọng	Nghĩa	14TCĐC01	06/11/1996	5.0 ✓	5.0 ✓	7.5
23	14000053	Nguyễn Tiên	Phi	14TCĐC01	13/10/1994	7.0 ✓	6.0 ✓	5.5
24	13B3080052	Trần Nguyễn Chí	Phong	14TCĐC01	08/08/1994	7.0 ✓	8.0	8.0 ✓
25	14000054	Trần Thanh	Phú	14TCĐC01	01/09/1996	6.0 ✓	6.0 ✓	5.0
26	14000066	Phạm Văn	Thanh	14TCĐC01	08/02/1991	5.5 ✓	7.5 ✓	7.0
27	14000073	Trần Hữu	Trí	14TCĐC01	19/08/1996	7.0 ✓	6.5 ✓	5.0 ✓
28	14000077	Nguyễn Tài	Tuấn	14TCĐC01	14/01/1993	6.5 ✓	6.0 ✓	6.0 ✓
29	14000078	Hồ Xuân	Tùng	14TCĐC01	28/02/1996	5.5 ✓	6.5 ✓	6.0 ✓
30	14000081	Huỳnh Văn	Vinh	14TCĐC01	23/08/1995	8.0 ✓	5.5 ✓	6.5 ✓
31	14000087	Nguyễn Văn	Chí	14TCĐL01	01/08/1996	7.0 ✓	7.0 ✓	7.5 ✓
32	14000088	Trần Thế	Cường	14TCĐL01	06/08/1993	7.0 ✓	8.0 ✓	8.0 ✓
33	14000089	Nguyễn Tiên	Danh	14TCĐL01	17/04/1995	8.0 ✓	9.5 ✓	8.5 ✓
34	14000092	Trần Văn	Đoan	14TCĐL01	27/05/1996	5.5 ✓	5.0 ✓	7.5 ✓
35	14000090	Huỳnh Hữu	Dũng	14TCĐL01	27/08/1994	5.5 ✓	5.0 ✓	7.5 ✓

TT	MSHS	Họ tên học sinh		Lớp	Ngày sinh	ĐIỂM THI		
						CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
36	14000094	Trần Ngọc	Hải	14TCĐL01	05/01/1996	7.5	10.0	9.0
37	14000096	Nguyễn Hữu	Hoan	14TCĐL01	10/04/1994	7.0	8.0	8.5
38	14000099	Huỳnh Hoàng	Hưng	14TCĐL01	26/10/1990	7.5	9.0	9.0
39	14000101	Nguyễn Bá	Huy	14TCĐL01	20/10/1995	6.5	6.0	7.5
40	14000107	Lưu Bá	Linh	14TCĐL01	29/09/1994	3.5	9.0	9.5
41	14000109	Nguyễn Thanh	Luyện	14TCĐL01	26/07/1996	5.5	7.0	9.5
42	14000112	Nguyễn Văn	Nhí	14TCĐL01	01/01/1994	5.5	5.5	9.0
43	14000113	Võ Minh	Nhựt	14TCĐL01	25/01/1995	7.5	9.5	8.5
44	14000117	Cao Thanh	Tân	14TCĐL01	12/11/1994	5.0	7.0	9.0
45	14000119	Phạm Quốc	Thắng	14TCĐL01	02/02/1992	7.5	5.0	9.0
46	14000122	Huỳnh Kiều	Thoại	14TCĐL01	09/08/1996	5.0	5.0	6.5
47	14000126	Nguyễn Hữu	Tín	14TCĐL01	06/12/1996	8.0	8.5	9.0
48	14000131	Trương Văn Minh	Tuấn	14TCĐL01	21/01/1994	6.5	9.5	9.0
49	14000133	Nguyễn Ngọc	Vũ	14TCĐL01	21/04/1993	5.0	6.5	7.5
50	14000136	Lê Hoàng	Bảo	14TCCT01	25/12/1995	5.0	3.0	9.0
51	14000137	Lê Hồ Bảo	Duy	14TCCT01	28/03/1992	6.0	7.5	7.5
52	14000138	Nguyễn Hoàng	Duy	14TCCT01	01/01/1996	7.5	8.0	7.0
53	14000143	Hà Triệu	Khang	14TCCT01	04/06/1996	6.0	7.0	9.0
54	14000144	Huỳnh Thanh	Lịch	14TCCT01	02/09/1996	4.0	5.5	8.5
55	14000147	Huỳnh Tấn	Mạnh	14TCCT01	04/06/1996	5.0	4.0	6.5
56	14000148	Huỳnh Văn	Nghĩa	14TCCT01	05/10/1994	7.0	6.0	8.0
57	14000150	Lê Minh	Nhật	14TCCT01	17/08/1993	5.0	5.0	7.0
58	14000152	Phạm Tấn	Phát	14TCCT01	14/04/1995	6.5	8.5	6.5
59	14000155	Lê Thanh	Quân	14TCCT01	11/01/1996	6.5	7.5	9.5
60	14000156	Nguyễn Minh	Quân	14TCCT01	16/01/1996	8.0	9.0	6.0
61	14000157	Đoàn Văn	Quất	14TCCT01	26/06/1996	7.0	5.5	6.5
62	14000158	Võ Thành	Quốc	14TCCT01	18/05/1995	5.5	7.0	8.0
63	14000159	Phạm Hữu	Sang	14TCCT01	22/02/1992	5.5	3.5	6.0
64	14000160	Đặng Thành	Sĩ	14TCCT01	20/04/1994	6.0	4.0	6.5
65	14000167	Nguyễn Trường	Thịnh	14TCCT01	14/08/1996	7.0	6.0	6.0
66	14000174	Đoàn Ngọc	Trường	14TCCT01	05/05/1996	7.5	3.0	9.0
67	14000177	Lê Ngọc	Vũ	14TCCT01	18/01/1996	8.0	3.0	7.5
68	14000188	Nguyễn Phạm Hoàng	Quân	14TCCP01	12/07/1996	6.0	7.0	7.5
69	14000310	Nguyễn Ngọc	Dung	14TCMT01	29/06/1995	7.0	8.0	8.5
70	14000311	Trần Thị Phương	Duy	14TCMT01	11/05/1994	6.5	6.0	7.0
71	14000312	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	14TCMT01	20/05/1995	6.0	7.0	8.0
72	14000318	Chi Diễm	Huê	14TCMT01	23/03/1996	6.5	7.0	7.0
73	14000320	Nguyễn Thị Ánh	Kiều	14TCMT01	27/02/1995	6.0	7.5	7.0
74	14000322	Nguyễn Thị	Liên	14TCMT01	20/10/1995	6.5	8.5	7.0
75	14000323	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	14TCMT01	08/11/1996	6.5	8.5	7.5
76	14000324	Nguyễn Thị	Lý	14TCMT01	10/08/1993	7.5	8.0	8.0
77	14000325	Dương Thị	Mơ	14TCMT01	15/12/1995	8.5	9.5	9.0

TT	MSHS	Họ tên học sinh		Lớp	Ngày sinh	ĐIỂM THI		
						CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
78	14000326	Đặng Thanh	Nam	14TCMT01	19/10/1996	5.0	6.5	7.0
79	14000327	Lê Thị Anh	Nguyên	14TCMT01	30/01/1995	6.0	6.0	8.0
80	14000328	Nguyễn Ngọc Thu	Oanh	14TCMT01	28/01/1995	8.0	9.0	8.0
81	14000329	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	14TCMT01	10/12/1996	6.0	8.5	7.0
82	14000330	Nguyễn Thị Diễm	Sương	14TCMT01	29/11/1996	6.0	9.0	8.5
83	14000332	Lê Thị	Thắm	14TCMT01	27/01/1994	8.0	9.5	9.0
84	14000333	Nguyễn Thị Thu	Thắm	14TCMT01	02/01/1995	5.0	6.5	7.0
85	14000334	Bùi Thị Thu	Thảo	14TCMT01	01/02/1996	7.0	8.0	8.0
86	14000336	Phạm Thị	Thi	14TCMT01	08/05/1996	7.0	8.0	7.0
87	14000337	Nguyễn Chí Cao	Thông	14TCMT01	22/06/1994	8.0	9.0	7.0
88	14000338	Đặng Thị Minh	Thùy	14TCMT01	31/08/1995	6.5	9.5	9.0
89	14000342	Trần Thị Thảo	Vy	14TCMT01	15/03/1994	7.5	8.0	8.0
90	14000206	Nguyễn Văn	Đô	14TCÔT01	31/08/1993	7.5	5.0	5.0
91	14000203	Phạm Khắc	Dũng	14TCÔT01	04/08/1996	6.5	2.5	5.0
92	14000210	Bùi Đức	Hạnh	14TCÔT01	15/11/1993	7.0	7.0	5.0
93	14000214	Sầm Thái	Hưng	14TCÔT01	30/01/1992	7.0	6.5	6.0
94	14000218	Trịnh	Lâm	14TCÔT01	07/09/1992	6.5	6.0	7.0
95	14001245	Trần Hoàng	Minh	14TCÔT01	27/11/1993	5.5	6.0	5.0
96	14000224	Lê Văn	Nghĩa	14TCÔT01	24/05/1996	5.0	5.0	5.0
97	14000228	Đỗ Minh	Phú	14TCÔT01	09/02/1995	6.5	6.0	5.0
98	13B2250056	Nguyễn Đình Đại	Phú	14TCÔT01	25/12/1993	6.5	5.0	5.0
99	14000229	Đinh Hoàng	Phúc	14TCÔT01	11/06/1994	6.5	7.0	5.0
100	13B2250094	Trần Văn	Phúc	14TCÔT01	19/08/1995	6.5	7.0	5.0
101	14000232	Phạm Tuấn	Sang	14TCÔT01	16/01/1995	6.0	5.0	5.0
102	14000242	Nguyễn Vũ	Tô	14TCÔT01	03/08/1995	5.0	5.0	5.0
103	14000244	Nguyễn Minh	Trí	14TCÔT01	16/10/1996	6.5	9.0	6.0
104	14000245	Đặng	Trọng	14TCÔT01	08/04/1996	6.0	5.0	6.0
105	14000246	Trần Trung	Trực	14TCÔT01	22/11/1993	8.5	7.0	5.0
106	14000248	Ngô Tấn	Tú	14TCÔT01	27/11/1992	6.0	8.0	8.0
107	14000250	Phạm Đình	Vinh	14TCÔT01	11/04/1996	6.0	5.0	7.0
108	14000252	Tăng Hoàng	Vũ	14TCÔT01	26/02/1995	5.0	6.0	8.0
109	14000262	Trần Quốc	Đạt	14TCÔT02	12/02/1987	8.0	6.0	7.0
110	14000272	Trần Văn	Hòa	14TCÔT02	15/11/1995	7.5	9.0	5.0
111	14000287	Nguyễn Hoàng	Phú	14TCÔT02	08/04/1996	6.5	7.0	5.0
112	14000308	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	14TCÔT02	04/09/1994	5.5	9.0	6.0
113	14000345	Nguyễn Vũ	Anh	14TCQT01	25/01/1995	6.0	7.0	8.0
114	14000347	Nguyễn Quang	Đạt	14TCQT01	25/12/1995	7.0	7.0	8.5
115	14000348	Võ Duy	Khánh	14TCQT01	18/09/1994	8.0	6.0	4.0
116	14000349	Nguyễn Thanh	Lộc	14TCQT01	29/08/1996	5.0	5.0	5.0
117	14000352	Phạm Chánh	Lý	14TCQT01	19/06/1995	8.0	7.5	8.0
118	14000356	Thái Văn	Phú	14TCQT01	03/03/1996	7.0	6.5	9.0
119	14000357	Nguyễn Minh	Phúc	14TCQT01	24/12/1994	7.0	6.0	3.5

TT	MSHS	Họ tên học sinh		Lớp	Ngày sinh	ĐIỂM THI		
						CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
KHÓA CŨ THI LẠI								
120		Phạm Văn	Được	13TC-Đ1	27/02/1995	7.5	0.5	5.0
121		Nguyễn Quốc	Hưng	13TC-Đ1	20/7/1994	6.0	0.5	5.0
122		Nguyễn Minh	Hải	12TC-Đ1	18/10/1992	5.5	0.5	7.0
123		Nguyễn Minh	Dương	12TC-ĐT1	30/01/1994		6.0	
124		Trần Giang	Hậu	12TC-ĐT1	14/04/1993		5.0	
125		Vũ Nhật	Trường	13TC-Ô	10/01/1995	7.0	8.5	7.0
126		Bùi Thanh	Tân	13TC-Ô	11/01/1994	7.0	6.0	5.0
127		Nguyễn Hoàng	Vương	12TC-QTM	13/12/1994			4.0
128		Huỳnh Văn	Dương	13TC-QTM	16/6/1994			3.0
129		Nguyễn Duy	Liên	13TC-QTM	10/6/1995	7.5	5.0	3.0
130		Hà Minh	Mẫn	13TC-QTM	24/02/1991	V	V	V

Tổng cộng danh sách có 130 học sinh. *lu*

GHI CHÚ:

HSSV ĐẾN PHÒNG KHẢO THÍ NHẬN ĐƠN PHỤC KHẢO.

HẠN CHÓT: THỨ SÁU 19/8/2016

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ